TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02** /2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 29 - 01 - 2018.
V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa anh L và chị Q.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Đức Trường.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Lê Thị Sáu**
  - Bà **Phan Thị Hà**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày **29** tháng **01** năm **2018** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 195/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh **Lý Văn L** sinh năm: 1984
Địa chỉ cư trú: Thôn 5- xã X- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.
- ***Bị đơn:*** Chị **Lý Thị Q** sinh năm: 1980
Địa chỉ cư trú: Thôn 5- xã X- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.

(*Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lý Văn L và chị Lý Thị Q trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh L và chị Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/02/2007, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Anh L và chị Q đều cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Theo anh L thì cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xung đột, cãi nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Còn chị Q thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị Q cho rằng hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai.

Anh L và chị Q đều cho rằng hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh L làm đơn xin ly hôn thì chị Q đồng ý. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị Q thay đổi ý kiến không đồng ý thuận tình ly hôn vì anh L không chia tài sản chung cho chị Q.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Lý Thị K, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 22/02/2011. Khi ly hôn, anh L và chị Q thỏa thuận giao cháu Lý Thị K cho chị Q có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên; giao cháu Lý Minh Đ cho anh L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị Q tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết. Nhưng tại phiên tòa ngày 29/12/2017 chị Q đề nghị hoãn phiên tòa để chị làm thủ tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, trong thời hạn do Tòa án ấn định nhưng chị Q không đến làm thủ tục để khởi kiện.

- *Về nợ chung:* Anh L và chị Q đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh L; xử cho anh L được ly hôn với chị Q;

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung như sau:

Giao cháu Lý Thị K, sinh ngày 26/4/2008 cho chị Q có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Giao cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 22/02/2011 cho anh L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung: Đề nghị tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác;

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến;

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Lý Văn L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp "*Ly hôn*" với chị Lý Thị Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh L và chị Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/02/2007, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Q là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Anh L và chị Q đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh L cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xung đột, cãi nhau; còn chị Q thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị Q không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc anh L có quan hệ ngoại tình. Anh L và chị Q đều cho rằng hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L cương quyết yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án thì chị Q đồng ý thuận tình ly hôn, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Q lại không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh L chưa chia tài sản chung cho chị là không phù hợp với thực tế. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L; xử cho anh L được ly hôn với chị Q.

- *Về con chung*: Anh L và chị Q đều khai nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Lý Thị K, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 22/02/2011. Khi ly hôn, anh L và chị Q thỏa thuận giao cháu K cho chị Q nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh L nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay cháu K đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng muốn ở với chị Q và cháu Đ dưới 07 tuổi. Anh L và chị Q tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung, xét về điều kiện kinh tế của anh L và chị Q để thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung sinh sống và ăn học một cách đầy đủ nhất. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: giao con chung là cháu Lý Thị K cho chị Q có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên và giao cháu Lý Minh Đ cho anh L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh L và chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập đến.

- *Về tài sản chung:* Quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị Q tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết. Nhưng tại phiên tòa ngày 29/12/2017 chị Q đề nghị hoãn phiên tòa để chị làm thủ tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, trong thời hạn do Tòa án ấn định nhưng chị Q không đến làm thủ tục để khởi kiện. Do vậy, sẽ tách phần tài sản ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về nợ chung:* Anh L và chị Q đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí:* Buộc anh L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn L đối với chị Lý Thị Q về tranh chấp "*Ly hôn*".

Xử cho anh Lý Văn L được ly hôn với chị Lý Thị Q.

2/ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung như sau:

Giao cháu Lý Thị K, sinh ngày 26/4/2008 cho chị Lý Thị Q có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Giao cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 22/02/2011 cho anh Lý Văn L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung: Tách phần tài sản chung để giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4/ Về án phí: Anh Lý Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004901 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Anh Lý Văn L đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường